

<b>Hoạt động của thầy</b>	<b>Hoạt động của trò</b>
<p><b>I- Bài cũ:</b> (5')</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu viết các từ: gia đình, cặp da, cái giỏ, rung rinh, tắt bật.</li><li>-&gt; GV nhận xét.</li></ul> <p><b>II- Bài mới:</b></p> <p><b>1. Giới thiệu bài:</b> (1')</p> <p><b>2. Giảng bài:</b></p> <p><i>a/- Hướng dẫn viết chính tả:</i> (20')</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- GV đọc đoạn văn.</li><li>- Gọi HS đọc đoạn văn.</li></ul> <p>+ Những dấu hiệu nào cho biết mùa đông đã về với rẻo cao ?</p> <p>* Cảnh thiên nhiên của vùng núi cao này như thế nào? Em có cảm nghĩ gì về cảnh thiên nhiên ở đây ?</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HS tìm các từ khó, dễ lẫn khi viết chính tả và luyện viết.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đọc từng câu cho HS viết vào vở</li><li>- Đọc lại bài cho HS dò.</li><li>- Chấm một số bài để nhận xét.</li></ul> <p><i>b/- Hướng dẫn làm bài tập chính tả:</i> (8')</p> <p><b>Bài 3:</b> Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>-Tổ chức thi làm bài. GV chia lớp thành 2 nhóm, 1 nhóm 5 HS. Yêu cầu HS lần lượt lên bảng dùng bút màu gạch chân vào từ đúng.</li><li>- Nhận xét.</li></ul> <p><b>3. Củng cố, dặn dò:</b> (1')</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Nhận xét tiết học.</li><li>- Dặn HS về nhà luyện viết lại bài chính tả và chuẩn bị bài sau.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 2 HS lên bảng viết, cả lớp viết vào vở nháp.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- Cả lớp lắng nghe.</li><li>- 1 HS đọc thành tiếng. Cả lớp đọc thầm .</li></ul> <p>+ Dấu hiệu: Mây theo các sườn núi trườn xuống, mưa bụi, hoa cải nở vàng trên sườn đồi, nước suối cạn dần, những chiếc lá vàng cuối cùng đã lìa cành.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- HS tự phát biểu</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 2 HS lên bảng viết, lớp viết bảng con: rẻo cao, sườn núi, trườn xuống, chít bạc, quanh co, nhẵn nhụi, sạch sẽ, khua lao xao,...</li><li>- HS viết bài vào vở.</li><li>- HS dò bài.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc.</li><li>- Làm vào vở nháp.</li><li>- các nhóm thi làm bài .</li><li>- Nhận xét bổ sung cho bạn.</li><li>- 1 HS đọc lại đoạn văn.</li></ul>

\* **Nhận xét:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

----- ✍️ 📖 ✍️ -----  
**Luyện Tiếng Việt:                      Luyện viết vở chủ đề**

----- ✍️ 📖 ✍️ -----  
**BUỔI CHIỀU**

**Luyện từ và câu:                      Vị ngữ trong câu kể *Ai làm gì ?***

**I. Mục tiêu:**

- Nắm được kiến thức cơ bản để phục vụ cho việc nhận biết vị ngữ trong câu kể *Ai làm gì ?* (ND ghi nhớ).

- Nhận biết và bước đầu tạo được câu kể *Ai làm gì ?* theo yêu cầu cho trước, qua thực hành luyện tập (mục III).

\* HSKG nói được ít nhất 5 câu kể *Ai làm gì ?* tả hoạt động của các nhân vật trong tranh (BT3, mục III).

**II. Đồ dùng dạy học:** Bảng phụ viết sẵn BT2 phần luyện tập .  
Bảng lớp ghi sẵn phần nhận xét BT1.

**III. Hoạt động trên lớp:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<b>I. Bài cũ:</b> (3') - Câu kể <i>Ai làm gì ?</i> gồm có những bộ phận nào ? Lấy ví dụ về câu kể <i>Ai làm gì ?</i> ? - GV nhận xét. <b>II. Bài mới:</b> <b>1- Giới thiệu bài:</b> (1') <b>2- Giảng bài:</b> (30') <i>1/- Nhận xét:</i>	- 2 HS trả lời.

<p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu HS mở Sgk đọc đoạn văn</li><li>- Yêu cầu HS tìm các câu kể <i>Ai làm gì ?</i></li><li>- Nhận xét, kết luận lời giải đúng.</li></ul> <p><b>Bài 2:</b> Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu.</li><li>+ Vị ngữ trong các câu trên có ý nghĩa gì ?</li><li>+ Vậy, theo em: Vị ngữ trong câu kể <i>Ai làm gì ?</i> dùng để nêu lên hoạt động gì ?</li></ul> <p><b>2/- Ghi nhớ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc phần ghi nhớ.</li><li>- Gọi HS đặt các câu kể .</li></ul> <p><b>3/- Hướng dẫn làm bài tập:</b></p> <p><b>Bài 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung .</li><li>- Giao nhiệm vụ cho các nhóm.</li></ul> <p><b>Bài 2:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung .</li><li>- Gọi HS nhận xét, kết luận lời giải đúng.</li><li>- Gọi HS đọc lại các câu kể <i>Ai làm gì ?</i></li></ul> <p><b>Bài 3:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Yêu cầu học sinh quan sát tranh rồi trả lời: Trong tranh những ai đang làm gì ?</li></ul> <p>- GV cùng lớp nhận xét.</p>	<ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc lại yêu cầu của đề bài.</li><li>- HS tiếp nối phát biểu, lớp nhận xét.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc yêu cầu của đề bài.</li><li>- 1 HS lên bảng làm, HS dưới lớp gạch bằng bút chì vào SGK.</li><li>- Nhận xét, bổ sung bài làm trên bảng.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc yêu cầu của đề bài.</li><li>- Vị ngữ trong các câu trên nêu lên hoạt động của người, của vật.</li><li>+ Vị ngữ trong câu kể <i>Ai làm gì ?</i> dùng để nêu lên hoạt động của người, con vật ( đồ vật, cây cối được nhân hoá )</li><li>- HS đọc phần ghi nhớ trong Sgk và tập đặt câu.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc yêu cầu nội dung bài tập.</li><li>- Các nhóm thảo luận rồi phát biểu. Lớp nhận xét.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc yêu cầu nội dung bài tập.</li><li>- Thảo luận nhóm 2 rồi trả lời, lớp nh.xét</li><li>- HS đọc lại các câu kể.</li></ul> <ul style="list-style-type: none"><li>- 1 HS đọc yêu cầu nội dung bài tập.</li><li>- HS quan sát tranh rồi trả lời: Trong tranh các bạn nam đang đá cầu, mấy bạn nữ chơi nhảy dây. Dưới gốc cây, mấy bạn nam đang đọc báo.</li><li>- Tự làm bài .</li><li>- 3 HS trình bày .</li></ul>
--	---

<b>3- <u>Củng cố, dặn dò:</u> (2')</b> - Trong câu kể <i>Ai làm gì ?</i> , vị ngữ dùng để nêu lên hoạt động gì ? - Nhận xét tiết học, dặn HS về nhà học bài và viết lại đoạn văn.	- Một vài HS trả lời, lớp nhận xét.
---	-------------------------------------

**\* Nhận xét:**

.....

.....

.....

.....

.....



**Toán:                      Dấu hiệu chia hết cho 2 và 5**

**I. Mục tiêu:**

- Biết dấu hiệu chia hết cho 2 và không chia hết cho 2; dấu hiệu chia hết cho 5 và không chia hết cho 5; biết kết hợp dấu hiệu vừa chia hết cho 2 và 5.
- Biết số chẵn, số lẻ.

\* HS khá giỏi hoàn thành các bài tập .

**II. Đồ dùng dạy học: Bảng phụ**

**III. Hoạt động trên lớp:**

<b>Hoạt động của thầy</b>	<b>Hoạt động của trò</b>
<b>I. <u>Bài cũ:</u> (5')</b> - Đặt tính rồi tính: 39870 : 123 25863 : 251 30395 : 217 - GV nhận xét.	- 3 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở nháp
<b>II. <u>Bài mới:</u> (30')</b> <b>1. <u>Giới thiệu bài:</u></b> <b>2. <u>Hướng dẫn tìm hiểu bài:</u></b> <b>a- <u>Dấu hiệu chia hết cho 2:</u></b> - Yêu cầu HS dựa vào bảng cửu chương 2 để nêu các số chia hết cho 2	- HS nêu: 10 : 2 = 5 12 : 2 = 6 14 : 2 = 7 .....

<p>- Dựa vào các ví dụ trên, yêu cầu HS nhận xét về các số chia hết cho 2.</p> <p>--&gt; GV nhận xét và chốt lại: <b>Số chia hết cho 2 là số chẵn.</b></p> <p>- Vậy, những số không chia hết cho 2 là những số như thế nào? Ví dụ?</p> <p>--&gt; GV nhận xét và chốt lại: <b>Số không chia hết cho 2 là số lẻ.</b></p> <p><b>b- Dấu hiệu chia hết cho 5:</b></p> <p>- Yêu cầu HS dựa vào bảng cửu chương 5 để nêu các số chia hết cho 5</p> <p>- Dựa vào các ví dụ trên, yêu cầu HS nhận xét về các số chia hết cho 5.</p> <p>--&gt; GV nhận xét và chốt lại: <b>Các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5.</b></p> <p>- Vậy, những số không chia hết cho 5 là những số như thế nào? Ví dụ?</p> <p>- Dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 có điểm gì chung?</p> <p>--&gt; GV nhận xét và chốt lại: <b>Các số có chữ số tận cùng là 0 thì số đó vừa chia hết cho 2 vừa chia hết cho 5.</b></p> <p><b>3. Hướng dẫn làm bài tập:</b></p> <p><b>Bài 1/tr 95:</b></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV cùng lớp nhận xét.</p> <p><b>Bài 2/tr 95:</b></p> <p>- Yêu cầu HS đọc đề bài.</p> <p>- GV cùng lớp nhận xét.</p> <p><b>* Bài 3 và 4/tr 95:</b></p>	<p>- HS nhận xét về các số chia hết cho 2: <b>Các số có chữ số tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8 thì chia hết cho 2.</b></p> <p>- <b>Những số không chia hết cho 2 là những số có chữ số tận cùng là 1; 3; 5; 7; 9.</b> Ví dụ: 11; 13; 15;....</p> <p>- HS nêu:</p> $5 : 5 = 1$ $10 : 5 = 2$ $15 : 5 = 3 \dots$ <p>- HS nhận xét về các số chia hết cho 5: <b>Các số chia hết cho 5 có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5.</b></p> <p>- <b>Những số không chia hết cho 5 là những số không có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5.</b> Ví dụ: 11; 13; 17;....</p> <p>- Dấu hiệu chia hết cho 2 và cho 5 đều có điểm chung là có chữ số 0 ở tận cùng.</p> <p>- 1 HS đọc lại yêu cầu của đề. - Một vài em trả lời miệng, lớp nhận xét.</p> <p>- 1 HS đọc lại yêu cầu của đề. - 4 em lên bảng viết, cả lớp làm vào nháp</p>
--	---